**TUẦN 2 (24/2/2020 – 28/2/2020)**

**THỜI GIAN ĐĂNG ĐÁP ÁN: Thứ 7 (29/2/2020)**

**KHỐI 8 ( hệ 7 năm)**

**UNIT 10 REVISION**

**EXERCISE 1 Make meaningful sentences from the words or phrases given.**

**Ex**: I / go / school.🡪 I go **to** school.

1. He /shows / people how **/** protect the environment / save natural resources.

🡪………………………………………………………………………………….

1. Recycling / not / difficult **/** remember / because / all three /begin with the letter R.

🡪………………………………………………………………………………….

1. Reduce means / not / products which **/** overpackaged.

🡪………………………………………………………………………………….

1. Natural fertilizer / made **/** garden waste.

🡪………………………………………………………………………………….

1. Our environment **/** in / danger / because **/** waste **/** chemicals.

🡪………………………………………………………………………………….

**EXERCISE 2 Supply the correct forms or tenses of the verbs in the brackets.**

1.She (not/come)…………… here for a long time.

2.He (be)…………. at his computer for seven hours.

3.She (not/have) ……………any fun a long time.

4.My father (not/ play)……….. any sport since last year.

5.I’d better have a shower. I (not/have)………. one since Thursday.

6.I don’t live with my family now and we (not/see)…………each other for five years.

7. We hate (watch) …………….. this film.

8. Mr Tân finishes (work) ………………

9. When he was ten, he (meet) …………….. Uncle Ho.

10. He enjoys (write) ………………five letters.

11.She (not/ see)..............him for a long time.

12.She (not/come)…………… here for a long time.

13. I (work)………….. here for three years.

14. Did you enjoy ( read) …………… that newspaper? Yes, I (do) ……………..

15. Minh dislikes (play) ………….. tennis.

**EXERCISE 3 Change the following sentences from active into passive form.**

***Công thức bị động của thì hiện tại đơn***

* **Quan sát**:
* Câu chủ động 🡪 Mr Smith teaches English.
* Câu bị động 🡪 English is taught by Mr Smith.
* **Quy tắc**:
* Tân ngữ chủ động -> chủ ngữ bị ®ộng.
* Động từ bị động: **am / is /are + past participle (Ved/V3).**
* Chủ ngữ chủ động -> tân ngữ bị động (trước giới từ by).
* Nếu có cụm trạng từ chỉ nơi chốn (trước giới từ by)
* Nếu có cụm trạng từ chỉ thời gian (đứng cuối câu bị động)

**Chú ý: -** Thời gian đứng sau (by + O); nơi chốn đứng trước (by + O)

**-** Bỏ **by (*people, them, him, her, it, someone, anyone,…)***

- Sơ đồ S V O\*

S\* + am/is/are + past participle (Ved/V3 ) + ……. by + O + ……

*Example:*

**Active form**: Mr Smith teaches English\*

**Passive form**: English\* is taught by Mr Smith.

*Practice:*

1.She washes the used plastic bottles with water.

🡪…………………………………………………..

2.He cuts the bottles into small pieces.

🡪…………………………………………………..

3.People mix the small pieces with certain chemicals.

🡪…………………………………………………..

4. They heat the mix into pasty liquid.

🡪…………………………………………………..

5. People blow the liquid into new bottles.

🡪…………………………………………………..

6. People also use the recycled plastic to make toys and utensils.

🡪…………………………………………………..

7. People recycle used plastic things to save natural resources.

🡪…………………………………………………..

8. He delivers the mail every day.

🡪…………………………………………………..

9. Many people around the world speak English.

🡪…………………………………………………..

10. Our children watch the cartoon in the evening.

🡪…………………………………………………..

--------------- CHÚC CÁC EM ÔN TẬP THẬT TỐT! ---------------